

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THANH HÓA  
TỈNH THANH HÓA**

Số: 166/2022/QĐST - HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*TP. Thanh Hóa, ngày 03 tháng 6 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 206/2022/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn; gồm người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Phạm Văn T - Sinh năm: 1979.

2. Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1980.

Cùng ĐKNKTT tại: Phố X, phường V, thành phố H.

Cùng địa chỉ: Đường B, phường S, thành phố H, tỉnh H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 26 tháng 5 năm 2022, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ việc dân sự, nội dung cụ thể như sau:

[1] Về hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 12/2002, đến tháng 11/2003 chúng tôi mới đi đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố H. Sau khi kết hôn xong vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, nên vợ chồng thường xảy ra xúc phạm nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm. Nay anh, chị đều xét thấy tình cảm không còn mục đích hôn nhân không đạt

yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị H.

[2] Về con chung: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị H thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Băn B sinh ngày 02/10/2003 và cháu Phạm Văn H sinh ngày 28/7/2006.

Ly hôn anh, chị thống nhất việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con như sau: Cháu Phạm Văn B đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao cháu Phạm Văn H cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[3] Về tài sản, công nợ chung: Anh T và chị H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh, chị thỏa thuận chị H chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị H.

- *Về con chung:* Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị H thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Văn B sinh ngày 02/10/2003 và cháu Phạm Văn H sinh ngày 28/7/2006.

Ly hôn anh, chị thống nhất việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con như sau: Cháu Phạm Văn B đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao cháu Phạm Văn H cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm.

- *Về tài sản, công nợ chung:* Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị H không yêu cầu tòa án giải quyết.

**2.** Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị H chịu 300.000đ lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0001875 ngày 05/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H (chị H đã nộp đủ lệ phí).

*Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa*

*thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7B và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND TP H;
- UBND phường V TP H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Lan Anh**